

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CP THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO.

- Mã chứng khoán: VET
- Địa chỉ: 15 Trần Cao Vân, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM
- Điện thoại: (028) 38225063 – Fax: (028) 38225060
- Người thực hiện công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Hồng Hoa

2. Nội dung công bố thông tin:

CBTT Báo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2024 và công văn số: 125/NVC ngày 24/3/2025 v/v giải trình biến động doanh thu và lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2024.

3. Loại thông tin công bố:

- ☐ 24h, ☒ định kỳ, ☐ bất thường, ☐ Theo Y/c.

4. Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 24/3/2025 tại đường dẫn: <https://navetco.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh>.

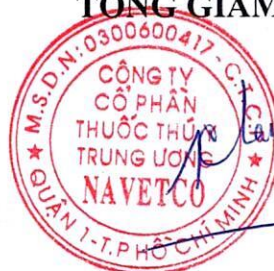
Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. m

Trân trọng.

Nơi nhận

- Như trên;
- Lưu VT.

TỔNG GIÁM ĐỐC han



NGUYỄN THỊ KIM LAN

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y
TRUNG ƯƠNG NAVETCO****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 126 /NVC

V/v CBTT BCTC năm 2024 đã kiểm toán

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 3 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán, Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung ương Navetco (MCK: VET) thực hiện công bố thông tin Báo cáo tài chính (BCTC) đã được kiểm toán cho năm tài chính năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CP THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

- Mã chứng khoán: VET
- Địa chỉ: 15 Trần Cao Vân, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. HCM
- Điện thoại: (028) 38225063 – Fax: (028) 38225060
- Email: info@navetco.com.vn Website: www.navetco.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2024.

☒ BCTC riêng (TCNY không có Công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con).

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân.

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024).

☐ Có☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024).

☐ Có☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có☒ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo có thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước.

☒ Có☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại.

☐ Có☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có☒ Không

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 24/3/2025 tại đường dẫn: <https://navetco.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh>.

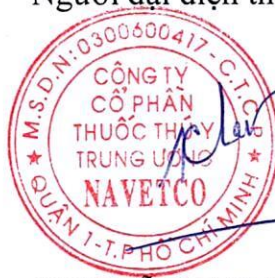
Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. m

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2024.
- CV giải trình biến động DT và LN.

Đại diện tổ chứcNgười đại diện theo pháp luật Vs**NGUYỄN THỊ KIM LAN**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y
TRUNG ƯƠNG NAVETCO**

**Báo cáo tài chính đã được kiểm toán
Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024**

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung Ương Navetco (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương Navetco được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Thuốc Thú Y Trung Ương theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300600417 ngày 05/11/2013 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 9 ngày 08/7/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Lĩnh vực kinh doanh và ngành nghề chính của Công ty: Sản xuất vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật thú y, thú y thủy sản, hóa chất dùng trong thú y và thú y thủy sản; Sản xuất chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản.

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính này là:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Tuấn Khanh	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Kim Lan	Phó chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Hồng Hoa	Thành viên
Ông Nguyễn Hiếu Liêm	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Huân	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Bà Nguyễn Thị Kim Lan	Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Quang Huy	Phó Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 15/01/2025)
Ông Trần Thiện Phúc	Phó Tổng Giám đốc	(bổ nhiệm ngày 15/01/2025)
Ông Phạm Quang Thái	Phó Tổng Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 01/01/2024)
Ông Trần Xuân Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	(miễn nhiệm ngày 05/12/2024)
Bà Đỗ Thị Hải Thanh	Kế toán trưởng	

Ban Kiểm soát

Ông Đinh Tiến Cường	Trưởng ban	(bổ nhiệm ngày 17/10/2024)
Bà Nguyễn Thị Mi Sa	Trưởng ban	(miễn nhiệm ngày 17/10/2024)
Bà Lê Trần Thanh Trâm	Thành viên	
Bà Lại Thị Minh Hiền	Thành viên	

Các sự kiện sau ngày lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ tài chính cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2024 cho Công ty.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính; và
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán tại Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh cho cùng kỳ, phù hợp với chuẩn mực, chế độ Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc

Ngày 01 tháng 3 năm 2025

Số: 246/2024/DFK - BCKiT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cổ đông
Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung Ương Navetco

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của **Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung Ương Navetco**, được lập ngày 01/3/2025, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của **Công ty Cổ phần Thuốc Thú y Trung Ương Navetco** tại ngày 31/12/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán khác. Tại báo cáo kiểm toán số 216/BCKT/TC/2024/AASCS ngày 20 tháng 3 năm 2024, kiểm toán viên đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần về báo cáo tài chính này.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 4 tháng 3 năm 2025

Công ty TNHH Kiểm toán DFK Việt Nam



Lê Đình Huyền

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1756-2023-042-1

Phạm Thị Quỳnh Dung

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2846-2025-042-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2024

MẪU B01 - DN
Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
A. Tài sản ngắn hạn	100		509.556.476.776	544.732.878.779
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	110	V.01	6.060.373.607	16.219.102.930
1. Tiền	111		6.060.373.607	16.219.102.930
<i>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	120		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	130		87.991.618.142	108.347.869.509
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	72.244.645.912	90.510.142.588
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	3.858.123.828	5.441.682.134
3. Phải thu khác ngắn hạn	136	V.04a	11.888.848.402	12.396.044.787
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	140	V.05	413.974.671.010	419.971.344.795
1. Hàng tồn kho	141		413.974.671.010	419.971.344.795
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	150		1.529.814.017	194.561.545
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10a	29.650.936	194.561.545
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12B	1.500.163.081	-
B. Tài sản dài hạn	200		322.414.338.775	353.255.808.304
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	210		2.656.187.232	2.529.187.232
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.04b	2.656.187.232	2.529.187.232
<i>II. Tài sản cố định</i>	220		80.508.316.019	114.346.994.635
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	80.508.316.019	114.346.994.635
- Nguyên giá	222		551.112.041.470	550.642.035.370
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(470.603.725.451)	(436.295.040.735)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	-	-
- Nguyên giá	228		222.818.390	222.818.390
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(222.818.390)	(222.818.390)
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	230		-	-
<i>IV. Tài sản dở dang dài hạn</i>	240		22.296.652.641	22.207.109.123
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.08	22.296.652.641	22.207.109.123
<i>V. Đầu tư tài chính dài hạn</i>	250	V.09	201.500.000.000	201.500.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		201.500.000.000	201.500.000.000
<i>VI. Tài sản dài hạn khác</i>	260		15.453.182.883	12.672.517.314
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10b	15.453.182.883	12.672.517.314
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		831.970.815.551	897.988.687.083

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2024

Mẫu B01 - DN
Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
C. Nợ phải trả	300		531.629.863.673	557.374.980.225
I. Nợ ngắn hạn	310		330.129.863.673	355.874.980.225
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	74.564.673.747	68.663.381.342
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.054.191.690	3.575.980.065
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12a	6.446.654.153	5.719.756.958
4. Phải trả người lao động	314		2.695.747.000	290.750.140
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		252.350.963	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	170.045.806.221	229.339.256.685
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.15	80.062.393.585	48.232.604.894
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.14	(5.991.953.686)	53.250.141
II. Nợ dài hạn	330		201.500.000.000	201.500.000.000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.15	201.500.000.000	201.500.000.000
D. Vốn chủ sở hữu	400	V.16	300.340.951.878	340.613.706.858
I. Vốn chủ sở hữu	410		278.417.403.179	318.425.783.159
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		160.000.000.000	160.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		160.000.000.000	160.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		142.496.425.922	142.904.738.411
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(24.079.022.743)	15.521.044.748
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		15.517.340.843	15.511.761.064
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(39.596.363.586)	9.283.684
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430	V.17	21.923.548.699	22.187.923.699
1. Nguồn kinh phí	431		21.923.548.699	21.923.548.699
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	264.375.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		831.970.815.551	897.988.687.083

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính

Lê Thái Bình
Người lập biểu
Ngày 01 tháng 3 năm 2025

Đỗ Thị Hải Thanh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Lan
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MẪU B02 - DN

Đơn vị tính: đồng

TT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	371.268.762.660	412.646.744.161
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng & cung cấp dịch vụ	10		371.268.762.660	412.646.744.161
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	206.637.210.154	232.730.975.686
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		164.631.552.506	179.915.768.475
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	99.379.950	1.234.834.623
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	8.874.416.182	8.691.148.387
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.989.393.041	2.822.842.215
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.05	105.310.523.620	77.641.092.983
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	53.549.821.412	60.105.235.048
10.	Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(3.003.828.758)	34.713.126.680
11.	Thu nhập khác	31	VI.07	13.704.609.968	2.699.733.340
12.	Chi phí khác	32	VI.08	50.297.144.796	1.220.051.805
13.	Lợi nhuận/(lỗ) khác	40		(36.592.534.828)	1.479.681.535
14.	Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	50		(39.596.363.586)	36.192.808.215
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	-	7.610.327.639
16.	Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(39.596.363.586)	28.582.480.576
18.	Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	(2.475)	1.545
19.	Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	71		(2.475)	1.545

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính



Lê Thái Bình

Người lập biểu

Ngày 01 tháng 3 năm 2025



Đỗ Thị Hải Thanh

Kế toán trưởng





Nguyễn Thị Kim Lan


Tổng Giám đốc


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MẪU B03 - DN
Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2024	Năm 2023
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(39.596.363.586)	36.192.808.215
2. Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	34.044.309.716	39.316.148.186
(Lãi) lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	592.218.182	730.779.852
(Lãi) lỗ từ hoạt động đầu tư	05	9.932.954	(1.168.937.950)
Chi phí lãi vay	06	3.989.393.041	2.822.842.215
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(960.509.693)	77.893.640.518
(Tăng) giảm các khoản phải thu	09	18.709.222.378	24.016.626.057
(Tăng) giảm hàng tồn kho	10	5.996.673.785	(90.268.210.325)
Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	(47.758.363.143)	(24.459.439.398)
(Tăng) giảm chi phí trả trước	12	(2.615.754.960)	4.214.440.962
Tiền lãi vay đã trả	14	(3.737.042.078)	(2.822.842.215)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(4.610.327.639)	(6.283.487.835)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(6.462.800.000)	(7.162.040.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(41.438.901.350)	(24.871.312.236)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ, tài sản dài hạn khác	21	(559.549.618)	(1.921.894.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tài sản dài hạn khác	22	-	1.139.745.455
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	9.932.954	37.179.038
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(549.616.664)	(744.969.507)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Tiền thu từ đi vay	33	170.702.704.016	122.969.711.302
Tiền trả nợ gốc vay	34	(138.872.915.325)	(79.552.106.408)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(32.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	31.829.788.691	11.417.604.894
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(10.158.729.323)	(14.198.676.849)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	16.219.102.930	30.398.343.801
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	19.435.978
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	6.060.373.607	16.219.102.930

Thuyết minh báo cáo tài chính đính kèm là một bộ phận không thể tách rời báo cáo tài chính


Lê Thái Bình
Người lập biểu
Ngày 01 tháng 3 năm 2025


Đỗ Thị Hải Thanh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Lan
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương Navetco được chuyển đổi từ Công ty TNHH MTV Thuốc Thú Y Trung Ương theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300600417 ngày 05/11/2013 và đăng ký thay đổi đến lần thứ 9 ngày 08/7/2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty đã được đăng ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam với mã chứng khoán là VET kể từ ngày 18/5/2017 theo Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 100/2017/GCNCP-VSD ngày 17/5/2017 do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại số 15, Trần Cao Vân, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty có các Chi nhánh và kho hàng hoạt động như sau:

- Chi nhánh Hà Nội tại địa chỉ số 164 Phương Liệt, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, mã số doanh nghiệp: 0300600417-001;
- Chi nhánh Bình Dương tại Lô 205 đường số 6 Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, Phường Bình Hòa, Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, mã số doanh nghiệp: 0300600417-003;
- Chi nhánh miền Tây tại địa chỉ số 16, đường số 7 KDC Xây dựng, Khu vực 2, Phường Hưng Thạnh, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, mã số doanh nghiệp: 0300600417-004.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại – Sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh đăng ký

- Sản xuất vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật thú y, thú y thủy sản, hóa chất dùng trong thú y, thú y thủy sản; Sản xuất chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất, chất xử lý cải tạo môi trường nuôi trồng thủy sản (Chính);
- Bán buôn vắc xin, chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất dùng trong thú y và thú y thủy sản; Bán buôn chế phẩm sinh học, vi sinh vật, hóa chất xử lý cải tạo môi trường trong chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản; Bán buôn nguyên liệu, vật tư, thiết bị phục vụ cho nghiên cứu, sản xuất, kiểm nghiệm vắc xin, thuốc thú y, thú y thủy sản;
- Sản xuất thức ăn thủy sản và thức ăn chăn nuôi cho gia súc, gia cầm;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Nghiên cứu khoa học về thú y, các phương pháp chuẩn đoán, phòng chống bệnh cho đàn gia súc, gia cầm;
- Dự trữ quốc gia về thuốc thú y, thú y thủy sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động thú y. Chi tiết: Chăm sóc sức khỏe động vật và kiểm soát hoạt động của gia súc; Chăm sóc sức khỏe động vật và kiểm soát hoạt động của vật nuôi; Hoạt động của trợ giúp thú y hoặc những hỗ trợ khác cho các bác sĩ thú y; Nghiên cứu chuyên khoa, chuẩn đoán bệnh và xét nghiệm bệnh động vật;
- Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán thuốc thú y;
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất thuốc thú y.

4. Số lượng nhân viên của Công ty: tại ngày 31/12/2024: 282 người (Tại ngày 31/12/2023: 286 người)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

II. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam được quy định tại thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài Chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

Công ty áp dụng theo phạm vi điều chỉnh tại điều 2 thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn việc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính, không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đối với ngân sách Nhà nước.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực và chế độ kế toán

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

III. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

2. Năm tài chính

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01, kết thúc ngày 31/12 hàng năm.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

1. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt thời kỳ tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa công ty và ngân hàng thương mại;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

- Trường hợp hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán, công ty ghi sổ kế toán theo nguyên tắc:
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi góp vốn hoặc nhận vốn góp: Là tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng nơi công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải thu: tỷ giá mua chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - Tỷ giá giao dịch thực tế khi ghi nhận nợ phải trả: Là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả), tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản: Là tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính;
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: Là tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được phản ánh vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***5. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 25
Máy móc thiết bị, dụng cụ	05 – 06
Phương tiện vận tải	05 – 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

6. Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Phần mềm kế toán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 3 năm.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của công ty bao gồm các chi phí sau: chi phí mua bảo hiểm (bảo hiểm cháy, nổ, bảo hiểm xe, bảo hiểm tài sản...); công cụ dụng cụ; chi phí sửa chữa TSCĐ; tiền thuê đất trả trước; bản quyền kinh doanh...

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng. Riêng tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, liên doanh, liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư.

9. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tổn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

10. Tiền lương và các khoản trích theo lương

Tiền lương được tính và trích lập trong chi phí trong kỳ theo hợp đồng lao động. Công ty trích bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp dựa trên lương hợp đồng theo tỷ lệ quy định.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị các khoản vay được ghi nhận là tổng số tiền đi vay của các ngân hàng, tổ chức, công ty tài chính và các đối tượng khác (không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc phát hành cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai).

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý và phân phối theo quy định tại Điều lệ của Công ty.

Phân chia lợi nhuận:

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông:

Quỹ đầu tư và phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức được ghi nhận như một khoản phải trả trên báo cáo tài chính sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được công bố bởi Hội đồng Quản trị của Công ty.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 2 điều kiện:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

14. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ bán trong kỳ. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

15. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản sau đây được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

16. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh sau thuế của Công ty trong năm tài chính hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước. Công ty không phản ánh vào tài khoản này tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

18. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

19. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Công cụ tài chính

Căn cứ thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18/05/2015 của Bộ Tài chính, trước khi chuẩn mực kế toán về công cụ tài chính và các văn bản hướng dẫn được ban hành, Ban Tổng giám đốc Công ty quyết định không trình bày và thuyết minh về công cụ tài chính theo thông tư số 210/2009/TT-BTC trong báo cáo của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 15, đường Trần Cao Vân, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2024	01/01/2024
Tiền mặt	20.194.148	434.885.931
Tiền gửi ngân hàng	6.040.179.459	15.784.216.999
Cộng	6.060.373.607	16.219.102.930
2. Phải thu khách hàng ngắn hạn	31/12/2024	01/01/2024
- Các khách hàng khác (chiếm dưới 10% số dư phải thu khách hàng)	72.244.645.912	90.510.142.588
Cộng	72.244.645.912	90.510.142.588
3. Trả trước cho người bán ngắn hạn	31/12/2024	01/01/2024
- Chi nhánh Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh Nhà TPHCM - Xí nghiệp xây dựng và sửa chữa nhà	1.700.878.263	2.082.401.702
- Các khoản ứng trước đến các nhà cung cấp khác	2.157.245.565	3.359.280.432
Cộng	3.858.123.828	5.441.682.134
4. Các khoản phải thu khác	31/12/2024	01/01/2024
a) Ngắn hạn		
- Khoản thu hàng hóa cho Khách hàng mượn	8.671.732.230	8.995.775.279
- Các khoản tạm ứng cho nhân viên	856.891.223	1.398.113.976
- Ký quỹ bảo lãnh tại Ngân hàng Nông Nghiệp và PTNT Việt Nam	2.240.547.317	1.892.630.740
- Ký quỹ ngắn hạn khác	100.656.000	100.656.000
- Bảo hiểm xã hội, y tế nộp thừa	13.021.632	2.868.792
- Các khoản phải thu khác	6.000.000	6.000.000
Cộng	11.888.848.402	12.396.044.787
b) Dài hạn		
- Ký quỹ dài hạn khác	2.656.187.232	2.529.187.232
Cộng	2.656.187.232	2.529.187.232
5. Hàng tồn kho	31/12/2024	01/01/2024
	Giá gốcDự phòng	Giá gốcDự phòng
- Nguyên vật liệu	74.151.781.717-	68.121.551.126-
- Công cụ dụng cụ	1.174.105.412-	1.181.064.989-
- Chi phí sản xuất dở dang	20.077.337.929-	6.901.429.365-
- Thành phẩm	189.303.733.674-	232.305.331.941-
- Hàng hóa	129.267.712.278-	111.461.967.374-
Cộng	413.974.671.010-	419.971.344.795-

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 15, đường Trần Cao Vân, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

6. Tài sản cố định hữu hình	01/01/2024	Tăng	Giảm	31/12/2024
Nguyên giá				
Nhà cửa, vật kiến trúc	179.918.355.498	-	-	179.918.355.498
Máy móc, thiết bị	334.990.454.443	470.006.100	-	335.460.460.543
Phương tiện vận tải	35.733.225.429	-	-	35.733.225.429
Cộng	550.642.035.370	470.006.100	-	551.112.041.470
Khấu hao lũy kế				
Nhà cửa, vật kiến trúc	116.439.544.789	13.171.634.012	-	129.611.178.801
Máy móc, thiết bị	287.514.814.329	18.419.803.648	-	305.934.617.977
Phương tiện vận tải	32.340.681.617	2.717.247.056	-	35.057.928.673
Cộng	436.295.040.735	34.308.684.716	-	470.603.725.451
Giá trị còn lại				
Nhà cửa, vật kiến trúc	63.478.810.709			50.307.176.697
Máy móc, thiết bị	47.475.640.114			29.525.842.566
Phương tiện vận tải	3.392.543.812			675.296.756
Cộng	114.346.994.635			80.508.316.019

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết, vẫn còn sử dụng là 264.013.635.630 đồng.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình tăng trong năm 2024 là 17.482.027.635 đồng, trong đó khấu hao từ nguồn kinh phí là 264.375.000 đồng và khấu hao đưa vào chi phí là 34.044.309.716 đồng.

Nhà cửa, vật kiến trúc tại Thửa đất số 3, tờ bản đồ số DC19, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương đã được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam theo thuyết minh số 15 trang 20 của Thuyết minh Báo cáo tài chính.

7. Tài sản cố định vô hình	01/01/2024	Tăng	Giảm	31/12/2024
Nguyên giá				
Phần mềm	222.818.390	-	-	222.818.390
Cộng	222.818.390	-	-	222.818.390
Khấu hao lũy kế				
Phần mềm	222.818.390	-	-	222.818.390
Cộng	222.818.390	-	-	222.818.390
Giá trị còn lại				
Phần mềm	-			-
Cộng	-			-

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 222.818.390 đồng.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	31/12/2024	01/01/2024
Chi phí xây dựng nhà công cường độc tại kho hàng Cù Chi	89.543.518	-
Chi phí xây dựng Kho bảo quản thuốc thú y dự trữ quốc gia	22.207.109.123	22.207.109.123
Cộng	22.296.652.641	22.207.109.123

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 15, đường Trần Cao Vân, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2024			01/01/2024		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư dài hạn khác						
Bảo Trí Invest	82.680.000.000	82.680.000.000	-	82.680.000.000	82.680.000.000	-
NDC An Khang	118.820.000.000	118.820.000.000	-	118.820.000.000	118.820.000.000	-
Cộng	201.500.000.000	201.500.000.000	-	201.500.000.000	201.500.000.000	-

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Bảo Trí Invest theo hợp đồng góp vốn ngày 20/12/2018. Công ty Cổ phần Bảo Trí Invest được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi số 0315356391 ngày 14/01/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng vốn điều lệ của Công ty CP Bảo Trí Invest là 2.326.110.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương Navetco đã góp vốn với số tiền 82.680.000.000 đồng, tương ứng 8.268.000 cổ phần ưu đãi hoàn lại loại A, chiếm 3,55% vốn điều lệ của Công ty CP Bảo Trí Invest.

Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần NDC An Khang theo hợp đồng góp vốn ngày 17/4/2018. Công ty Cổ phần NDC An Khang được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi số 0314776107 ngày 07/3/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Tổng vốn điều lệ của Công ty CP NDC An Khang là 2.861.000.000.000 đồng. Công ty Cổ phần Thuốc Thú Y Trung Ương Navetco đã góp vốn với số tiền 118.820.000.000 đồng, tương ứng 11.882.000 cổ phần ưu đãi hoàn lại loại A, chiếm 5,7% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần NDC An Khang.

10. Chi phí trả trước	31/12/2024	01/01/2024
a) Ngắn hạn		
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển	29.650.936	194.561.545
Cộng	29.650.936	194.561.545
b) Dài hạn		
- Tiền thuê đất trả trước tại Khu công nghiệp VSIP (10.1)	3.544.101.617	3.727.652.885
- Chi phí sửa chữa văn phòng	7.279.194.683	-
- Chi phí trả trước khác chờ kết chuyển	4.629.886.583	8.944.864.429
Cộng	15.453.182.883	12.672.517.314

(10.1) Trả trước tiền thuê đất theo hợp đồng thuê đất ngày 28/5/2008, diện tích thuê 12.900 m2 đất tại lô số 205 Khu Công nghiệp Việt Nam - Singapore, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương; thời hạn thuê đất đến ngày 18/7/2048. Tổng giá trị tiền thuê đã thanh toán là 7.525.602.000 đồng, thời gian phân bổ tiền thuê là 40 năm.

11. Phải trả người bán ngắn hạn	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
- Boehringer Ingelheim Animal Health France	44.772.008.035	44.772.008.035	29.168.932.980	29.168.932.980
- Công ty TNHH Thương mại tiếp thị CMS	-	-	10.596.478.176	10.596.478.176
- Các nhà cung cấp khác	29.792.665.712	29.792.665.712	28.897.970.186	28.897.970.186
Cộng	74.564.673.747	74.564.673.747	68.663.381.342	68.663.381.342

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 15, đường Trần Cao Vân, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu B09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

12. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu từ Nhà nước

	01/01/2024	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2024
a) Phải nộp				
- Thuế GTGT phải nộp	119.975.652	20.612.032.199	18.914.717.753	1.817.290.098
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	4.717.559.893	4.717.559.893	-
- Thuế nhập khẩu	-	412.451.076	412.451.076	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.110.164.558	-	3.110.164.558	-
- Thuế thu nhập cá nhân	2.408.773.303	4.279.625.465	2.207.997.118	4.480.401.650
- Thuế nhà thầu	-	287.583.186	287.583.186	-
- Thuế môn bài	-	6.000.000	6.000.000	-
- Thuế khác	80.843.445	1.485.019.236	1.416.900.276	148.962.405
Cộng	5.719.756.958	31.800.271.055	31.073.373.860	6.446.654.153
b) Phải thu				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp dư	-	-	1.500.163.081	1.500.163.081
Cộng	-	-	1.500.163.081	1.500.163.081

13. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2024	01/01/2024
- Kinh phí công đoàn	2.264.399.636	2.261.787.796
- Giá trị hàng hóa mượn của khách hàng	115.018.425.007	175.990.534.891
- Cổ tức còn phải trả	24.000.000.000	24.645.579.779
- Phải trả cho Boehringer Ingelheim Animal Health France	(13.1) 25.680.382.469	25.680.382.469
- Phải trả ký quỹ ngắn hạn	2.913.305.000	440.000.000
- Các khoản phải trả khác	169.294.109	320.971.750
Cộng	170.045.806.221	229.339.256.685

(13.1) Chi phí marketing nhận được từ Boehringer Ingelheim Animal Health France để duy trì và phát triển nhãn hiệu các vắc-xin của Boehringer theo Thỏa thuận cung cấp, bản quyền và phân phối ngày 26/9/2018.

14. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Năm 2024	Năm 2023
Số dư đầu năm	53.250.141	3.356.655.263
Tăng do trích quỹ theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	417.596.173	-
Tăng do tạm trích quỹ kỳ này	-	3.858.634.878
Giảm do chi quỹ trong năm	(6.462.800.000)	(7.162.040.000)
Số dư cuối năm	(5.991.953.686)	53.250.141

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

15. Vay và nợ thuê tài chính		01/01/2024	Trong năm		31/12/2024
		Giá trị/Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị/Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn		48.232.604.894	170.702.704.016	138.872.915.325	80.062.393.585
- Ngân hàng Nông Nghiệp	(15.1)	48.232.604.894	145.567.704.016	138.872.915.325	54.927.393.585
- Vay cá nhân	(15.2)	-	25.135.000.000	-	25.135.000.000
Vay dài hạn		201.500.000.000	-	-	201.500.000.000
- Công ty CP ĐT PT Hoa Lâm	(15.3)	201.500.000.000	-	-	201.500.000.000
Cộng		249.732.604.894	170.702.704.016	138.872.915.325	281.562.393.585

(15.1) Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 1700-LAV-202400353 ngày 24/07/2024 với tổng hạn mức vay là 80 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến ngày 19/07/2025, thời hạn vay cho từng khoản nợ không quá 06 tháng và lãi suất vay theo từng lần giải ngân. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động sản xuất kinh doanh thuốc thú y và các mặt hàng kinh doanh khác. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này bao gồm quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại Thửa đất số 3, tờ bản đồ số DC19, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore, phường An Phú, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 1700-LCL-202200366 ngày 31/10/2022. Số dư nợ vay đến ngày 31/12/2024 là 54.927.393.585 đồng.

(15.2) Khoản vay ngắn hạn từ các cá nhân theo các Hợp đồng vay cụ thể, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, thời hạn vay 6 tháng, lãi suất vay là 7%/năm và không có tài sản đảm bảo.

(15.3) Vay dài hạn từ Công ty CP Đầu tư Phát triển Hoa Lâm theo Hợp đồng vay vốn số 01/HĐVV-HL/2011 ngày 08/4/2011 và phụ lục số 01 ngày 28/3/2015 với mục đích đầu tư vào Công ty CP Đầu tư và Thương mại An Khang để đầu tư xây dựng và khai thác kinh doanh dự án Khu trung tâm thương mại và căn hộ tại số 29 Nguyễn Đình Chiểu, phường Đakao, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh. Số tiền vay là 201,5 tỷ; thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày giải ngân. Nợ gốc từng kỳ được hoàn trả khi bên vay nhận được cổ tức từ Công ty CP Đầu tư và Thương mại An Khang cho đến khi hết nợ. Tài sản đảm bảo cho khoản vay là 8.268.000 cổ phiếu của Công ty CP Bảo Trí Invest và 11.882.000 cổ phiếu của Công ty CP NDC An Khang mà bên vay nắm giữ hoặc sở hữu.

16. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	01/01/2023	Tăng	Giảm	31/12/2023
- Vốn góp của chủ sở hữu	160.000.000.000	-	-	160.000.000.000
- Quỹ Đầu tư phát triển	142.190.176.397	714.562.014	-	142.904.738.411
- LNST chưa phân phối	16.157.340.843	28.582.480.576	29.218.776.671	15.521.044.748
Cộng	318.347.517.240	29.297.042.590	29.218.776.671	318.425.783.159

	01/01/2024	Tăng	Giảm	31/12/2024
- Vốn góp của chủ sở hữu	160.000.000.000	-	-	160.000.000.000
- Quỹ Đầu tư phát triển	142.904.738.411	-	408.312.489	142.496.425.922
- LNST chưa phân phối	15.521.044.748	(39.596.363.586)	3.703.905	(24.079.022.743)
Cộng	318.425.783.159	(39.596.363.586)	412.016.394	278.417.403.179

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 15, đường Trần Cao Vân, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU B09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VND

16. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

b) Lợi nhuận chưa phân phối	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	15.521.044.748	16.157.340.843
- Lợi nhuận/(lỗ) phát sinh trong năm	(39.596.363.586)	28.582.480.576
- Tạm trích cổ tức năm nay cho cổ đông	-	(24.000.000.000)
- Tạm trích quỹ Đầu tư và phát triển và các quỹ khác năm nay	-	(714.562.014)
- Tạm trích quỹ Khen thưởng và phúc lợi năm nay	-	(3.858.634.878)
- Chia bổ sung cổ tức năm trước cho cổ đông	-	(645.579.779)
- Hoàn nhập quỹ Đầu tư và phát triển năm trước	408.312.489	-
- Hoàn nhập do trích dư cổ tức năm trước	5.579.779	-
- Trích bổ sung quỹ Khen thưởng và phúc lợi năm trước	(417.596.173)	-
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	(24.079.022.743)	15.521.044.748
c) Cổ tức	Năm 2024	Năm 2023
- Cổ tức năm trước đã công bố trong Đại hội đồng cổ đông	24.000.000.000	32.000.000.000
<i>Ghi chú: Cổ tức năm 2023 được công bố trong năm 2024 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông số 376/NQ-ĐHĐCĐ ngày 13/6/2024.</i>		
d) Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 160.000.000.000 đồng tương đương 16.000.000 Cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/Cổ phần.		
Cổ phiếu	31/12/2024	01/01/2024
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	16.000.000	16.000.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	16.000.000	16.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	16.000.000	16.000.000
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	16.000.000	16.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	16.000.000	16.000.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10.000 đồng/cp	10.000 đồng/cp

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 15, đường Trần Cao Vân, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

17. Nguồn kinh phí	31/12/2024	01/01/2024
- Nguồn kinh phí	(17.1) 21.923.548.699	21.923.548.699
- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	(17.2) -	264.375.000
Cộng	21.923.548.699	22.187.923.699

(17.1) Nguồn vốn nhận được từ Ngân sách Nhà nước cho việc thực hiện các dự án sau:

- Dự án “Xây dựng Kho bảo quản thuốc thú y dự trữ quốc gia” tại số 28, Đường số 6, Khu Công nghiệp Việt Nam-Singapore, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương theo Quyết định đầu tư số 1425/QĐ-BNN-XD ngày 25/6/2014 với tổng mức đầu tư được duyệt là 27.733.649.000 đồng. Đến ngày 31/12/2024, Kho bạc Nhà nước đã thanh toán cho Công ty với số tiền là 21.923.548.699 đồng.

(17.2) Mua tài sản cố định để phục vụ dự án “Hoàn thiện quy trình sản xuất vắc-xin vô hoạt nhũ dầu quy mô công nghiệp phòng bệnh cúm A/H5N1 cho gia cầm do các biến chủng mới gây ra tại Việt Nam” với số tiền là 2.115.000.000 đồng. Đến ngày 31/12/2024, tài sản cố định này đã hết khấu hao.

18. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	31/12/2024	01/01/2024
- Ngoại tệ các loại: USD	21.742,21	70.425,20
- Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ (hàng dự trữ quốc gia) - VNĐ	62.664.103.800	96.087.019.640

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2024	Năm 2023
- Doanh thu từ bán thành phẩm, hàng hóa	371.268.762.660	412.646.744.161
Cộng	371.268.762.660	412.646.744.161
Các khoản giảm trừ	-	-
Cộng doanh thu thuần	371.268.762.660	412.646.744.161
Chi tiết Doanh thu thuần từ bán hàng:		
Doanh thu từ bán sản phẩm vắc-xin	163.692.151.805	149.165.244.417
Doanh thu từ bán sản phẩm dược	48.096.156.152	60.747.796.006
Doanh thu từ bán hàng kinh doanh	159.480.454.703	202.733.703.738
Cộng	371.268.762.660	412.646.744.161
2. Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2024	Năm 2023
- Giá vốn thành phẩm, hàng hóa đã bán	206.637.210.154	232.730.975.686
Cộng	206.637.210.154	232.730.975.686
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2024	Năm 2023
- Lãi tiền gửi ngân hàng	9.932.954	37.179.038
- Lãi từ chênh lệch tỷ giá thực hiện	89.446.996	1.197.655.585
Cộng	99.379.950	1.234.834.623

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 15, đường Trần Cao Vân, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Mẫu B09 - DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VND

4. Chi phí hoạt động tài chính	Năm 2024	Năm 2023
- Chi phí lãi vay	3.989.393.041	2.822.842.215
- Lỗ chênh lệch tỷ giá thực hiện	1.118.005.959	2.308.420.320
- Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	592.218.182	730.779.852
- Chiết khấu thanh toán cho khách hàng	3.174.799.000	2.829.106.000
Cộng	8.874.416.182	8.691.148.387
5. Chi phí bán hàng	Năm 2024	Năm 2023
- Chi phí nhân viên	4.601.421.400	4.789.983.000
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.536.636.531	1.710.800.111
- Hoa hồng bán hàng, khuyến mãi	76.337.457.226	49.475.013.000
- Chi phí vận chuyển	5.189.336.602	4.728.501.188
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.338.669.371	9.104.651.351
- Chi phí bằng tiền khác	7.307.002.490	7.832.144.333
Cộng	105.310.523.620	77.641.092.983
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2024	Năm 2023
- Chi phí nhân viên quản lý	22.018.726.500	24.868.590.620
- Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	2.176.756.427	1.574.514.825
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.337.036.647	1.651.658.207
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.809.691.531	16.064.008.571
- Chi phí bằng tiền khác	14.207.610.307	15.946.462.825
Cộng	53.549.821.412	60.105.235.048
7. Thu nhập khác	Năm 2024	Năm 2023
- Lãi từ việc thanh lý tài sản cố định	-	1.131.758.912
- Thu nhập từ cho thuê mặt bằng	6.853.360.818	-
- Tiền thu từ việc hợp tác nghiên cứu	3.364.419.306	-
- Thu nhập khác	3.486.829.844	1.567.974.428
Cộng	13.704.609.968	2.699.733.340
8. Chi phí khác	Năm 2024	Năm 2023
- Chi phí bồi thường, hỗ trợ thiệt hại cho nông dân	41.113.400.000	-
- Tiền hoàn mua hàng cho khách hàng	2.180.767.050	-
- Chi phí từ cho thuê mặt bằng	4.789.638.000	-
- Thuế truy thu theo Quyết định của thuế	1.243.879.013	585.369.032
- Chi phí phạt, chậm nộp	921.614.943	617.522.773
- Chi phí khác	47.845.790	17.160.000
Cộng	50.297.144.796	1.220.051.805

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 15, đường Trần Cao Vân, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2024	Năm 2023
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	(39.596.363.586)	36.192.808.215
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	2.755.533.241	1.858.829.978
Thu nhập chịu thuế ước tính	(36.840.830.345)	38.051.638.193
Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	7.610.327.639
10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2024	Năm 2023
Lãi/(lỗ) kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(39.596.363.586)	28.582.480.576
Trừ: Lợi nhuận dùng trích vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	(3.858.634.878)
Lãi/(lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông	(39.596.363.586)	24.723.845.698
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	16.000.000	16.000.000
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	(2.475)	1.545
11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Năm 2024	Năm 2023
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ dụng cụ	249.937.256.067	228.419.209.757
- Chi phí nhân công	63.740.849.600	69.075.982.120
- Chi phí khấu hao	34.044.309.716	39.316.148.186
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	43.080.097.715	49.468.734.119
- Chi phí khác	102.643.685.573	78.295.969.324
Cộng	493.446.198.671	464.576.043.506

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

a/ Các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Bảo Trí Invest	Đầu tư dài hạn
Công ty Cổ phần NDC An Khang	Đầu tư dài hạn
Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	Thành viên quản lý chủ chốt

b/ Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát năm nay như sau:

Bên liên quan	Chức vụ	Năm 2024
<i>Lương của Ban Tổng Giám đốc</i>		
Bà Nguyễn Thị Kim Lan	Tổng Giám đốc	626.695.000
Ông Trần Xuân Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	550.200.000
Bà Đỗ Thị Hải Thanh	Kế toán trưởng	350.462.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VND

b/ Các giao dịch trọng yếu với các bên có liên quan (tiếp theo)

Bên liên quan	Chức vụ	Năm 2024
<i>Thù lao của Hội đồng quản trị</i>		
Ông Trần Tuấn Khanh	Chủ tịch HĐQT	168.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Lan	Phó Chủ tịch	132.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Hoa	Thành viên HĐQT	78.000.000
Ông Nguyễn Hiếu Liêm	Thành viên HĐQT	66.000.000
Ông Nguyễn Hữu Huân	Thành viên HĐQT	78.000.000
<i>Thù lao của Ban Kiểm soát</i>		
Bà Nguyễn Thị Mi Sa	Trưởng ban kiểm soát	50.000.000
Ông Đinh Tiến Cường	Trưởng ban kiểm soát	10.000.000
Bà Lê Trần Thanh Trâm	Thành viên ban kiểm soát	33.000.000
Bà Lại Thị Minh Hiền	Thành viên ban kiểm soát	33.000.000

2. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở doanh nghiệp đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai, doanh nghiệp không có ý định cũng như không buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình. Không có bất kỳ yếu tố nào làm ảnh hưởng tới tính hoạt động liên tục của đơn vị cần phải giải thích.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

4. Thông tin về Báo cáo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm. Báo cáo chính yếu của Công ty theo lĩnh vực kinh doanh: bộ phận kinh doanh sản phẩm được, bộ phận kinh doanh sản phẩm vắc-xin, bộ phận hàng kinh doanh. Thông tin báo cáo bộ phận kỳ này và kỳ trước như sau:

a. Báo cáo bộ phận năm 2024

Mục	Sản phẩm được	Sản phẩm vắc-xin	Hàng kinh doanh	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	48.096.156.152	163.692.151.805	159.480.454.703	371.268.762.660
2. Giá vốn hàng bán	35.277.081.865	90.076.211.859	81.283.916.430	206.637.210.154
3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	12.819.074.287	73.615.939.946	78.196.538.273	164.631.552.506
- Tài sản không phân bổ				831.970.815.551
Tổng tài sản				831.970.815.551
- Nợ phải trả không phân bổ				531.629.863.673
Tổng nợ phải trả				531.629.863.673

CÔNG TY CỔ PHẦN THUỐC THÚ Y TRUNG ƯƠNG NAVETCO

Số 15, đường Trần Cao Vân, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU B09 - DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Đơn vị tính: VNĐ

4. Thông tin về Báo cáo bộ phận (tiếp theo)

b. Báo cáo bộ phận năm 2023

Chỉ tiêu	Sản phẩm được	Sản phẩm vắc-xin	Hàng kinh doanh	Tổng cộng
1. Doanh thu thuần	60.747.796.006	149.165.244.417	202.733.703.738	412.646.744.161
2. Giá vốn hàng bán	39.614.763.544	68.822.988.772	124.293.223.370	232.730.975.686
3. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	21.133.032.462	80.342.255.645	78.440.480.368	179.915.768.475
- Tài sản không phân bổ				897.988.687.083
Tổng tài sản				897.988.687.083
- Nợ phải trả không phân bổ				557.374.980.225
Tổng nợ phải trả				557.374.980.225

5. Sự kiện phát sinh ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả kinh doanh trong năm tài chính

Căn cứ các trách nhiệm của Công ty CP Thuốc Thú y Trung Ương Navetco (gọi tắt là Công ty Navetco) được quy định trong Hợp đồng kinh tế số 06/2024/HĐKT ngày 17/5/2024;
Căn cứ thực tế diễn biến tình hình bệnh tiêu chảy bò xảy ra trên địa bàn các huyện Đơn Dương, Đức Trọng, Lâm Hà, Di Linh và thành phố Bảo Lộc thuộc tỉnh Lâm Đồng, Công ty Navetco và các đơn vị có liên quan đã đối chiếu số liệu, thực hiện bồi thường hỗ trợ trên cơ sở thống nhất phương án với các hộ dân có bò bị tiêu chảy sau khi tiêm vắc xin viêm da nổi cục Navet-LPVac vào cuối tháng 7/2024.

Theo Công văn số 55/CNTYTS ngày 11/01/2025 của Chi cục chăn nuôi, thú y và thủy sản thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng, đến hết ngày 20/12/2024, Công ty Navetco đã thực hiện chi trả toàn bộ số tiền bồi thường, hỗ trợ theo thỏa thuận cho các hộ dân bị thiệt hại, có bò mắc bệnh, chết, tiêu hủy do tiêm vắc xin với số tiền là 41.113.400.000 đồng. Đến ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty Navetco không nhận được kiến nghị, khiếu nại của các hộ dân về các nội dung bồi thường thiệt hại. Toàn bộ khoản chi bồi thường trên đã được Công ty hạch toán vào chi phí năm nay. Sự kiện này đã ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả kinh doanh trong năm 2024 của Công ty.

6. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính này.



Lê Thái Bình
Người lập biểu
Ngày 01 tháng 3 năm 2025



Đỗ Thị Hải Thanh
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Lan
Tổng Giám đốc